

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường năm học 2020-2021

A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu

STT	Nội dung	Tổng Số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
I	Tổng số	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Giảng viên cơ hữu theo ngành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	Khối ngành I	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Khối ngành II	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
c	Khối ngành III	40	-	01	06	33	-	-	-	-	-	-
	Ngành Kế toán	10	-	-	01	09	-	-	-	-	-	-
	Ngành TCNII	10	-	-	01	09	-	-	-	-	-	-
	Ngành QTKD	10	-	01	01	08	-	-	-	-	-	-
	Ngành Luật	10	-	-	03	07	-	-	-	-	-	-
d	Khối ngành IV	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
d	Khối ngành V	10	-	-	02	08	-	-	-	-	-	-
	Ngành Công nghệ thông tin	10	-	-	02	08	-	-	-	-	-	-
c	Khối ngành VI	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
g	Khối ngành VII	31	-	01	06	24	-	-	-	-	-	-

STT	Nội dung	Tổng Số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
	Ngành Ngôn ngữ Anh	10	-	-	01	09	-	-	-	-	-	-
	Ngành Du lịch	10	-	-	02	08	-	-	-	-	-	-
	Ngành Đông phương học	11	-	01	03	07	-	-	-	-	-	-
2	Giảng viên cơ hữu môn chung	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
1	Khối ngành I	-	-	-	-	-
2	Khối ngành II	-	-	-	-	-
3	Khối ngành III					
1	Nguyễn Thanh Toại	1953	Nam	III	TS	Kế toán
2	Nguyễn Hữu Quy	1980	Nam	PTK	ThS	Kế toán
3	Trần Tâm Anh	1991	Nữ	GV	ThS	Kế toán
4	Trần Thị Kim Thúy	1988	Nữ	GV	ThS	Kế toán
5	Huỳnh Thị Phương Anh	1986	Nữ	GV	ThS	Kế toán
6	Lương Thị Kim Duyên	1982	Nữ	GV	ThS	Kế toán
7	Dinh Thị Hải Yến	1986	Nữ	GV	ThS	Kế toán
8	Lê Hữu Bằng	1982	Nam	TP	ThS	Kế toán
9	Nguyễn Đức Công	1981	Nam	GV	ThS	Kế toán

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
10	Phan Ngọc Tâm Đan	1979	Nữ	TLBGH	ThS	Kế toán
11	Dinh Thị Thu Hà	1986	Nữ	TBM	TS	Tài chính ngân hàng
12	Lê Hữu	1957	Nam	GV	ThS	Tài chính ngân hàng
13	Dinh Thị Kim Tuyền	1974	Nữ	GV	ThS	Tài chính ngân hàng
14	Lê Ngọc Bửu	1966	Nam	GV	ThS	Tài chính ngân hàng
15	Dinh Văn Hương	1976	Nam	PTP	ThS	Tài chính ngân hàng
16	Mai Văn Tới	1982	Nam	GV	ThS	Tài chính ngân hàng
17	Nguyễn Bá Hùng	1987	Nam	TK	ThS	Tài chính ngân hàng
18	Nguyễn Minh Hải	1984	Nam	GV	ThS	Tài chính ngân hàng
19	Thái Ninh	1959	Nam	GV	ThS	Tài chính ngân hàng
20	Nguyễn Đình Cường	1960	Nam	GV	ThS	Tài chính ngân hàng
21	Ngô Hương	1953	Nam	GV	PGS.TS	Quản trị kinh doanh
22	Đỗ Bá Khang	1955	Nam	GV	TS	Quản trị kinh doanh
23	Lê Thị Thanh Vân	1976	Nữ	GV	ThS	Quản trị kinh doanh
24	Nguyễn Thái Hoàng	1983	Nam	GD	ThS	Quản trị kinh doanh
25	Phạm Thị Vân	1988	Nữ	GV	ThS	Quản trị kinh doanh
26	Nguyễn Minh Thành	1991	Nam	GV	ThS	Quản trị kinh doanh
27	Dặng Xuân Chính	1988	Nam	GV	ThS	Quản trị kinh doanh
28	Võ Minh Hiệp	1987	Nam	GV	ThS	Quản trị kinh doanh
29	Nguyễn Thị Kim Hoàng	1991	Nữ	GV	ThS	Quản trị kinh doanh
30	Đào Huy Nhật	1988	Nam	PTB	ThS	Quản trị kinh doanh

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
31	Nguyễn Nam Hà	1954	Nam	GV	TS	Luật
32	Đặng Văn Khanh	1953	Nam	GV	TS	Luật
33	Huỳnh Đức Thái Lâm Hoàng	1977	Nam	GV	TS	Luật
34	Lê Anh Vân	1982	Nam	TLBGH	ThS	Luật
35	Nguyễn Sỹ Anh	1993	Nam	GV	ThS	Luật
36	Nguyễn Đăng Khoa	1979	Nam	GV	ThS	Luật
37	Lê Thị Kiều Duyên	1982	Nữ	GV	ThS	Luật
38	Ngô Văn Tăng Phước	1974	Nam	PTBM	ThS	Luật
39	Nguyễn Dạ Thảo	1988	Nữ	GV	ThS	Luật
40	Nguyễn Thành Tri	1959	Nam	GV	ThS	Luật
4	Khối ngành IV	-	-	-	-	-
5	Khối ngành V					
41	Nguyễn Trùng Lập	1980	Nam	TK	TS	Công nghệ thông tin
42	Nguyễn Hữu Trọng	1955	Nam	GV	TS	Công nghệ thông tin
43	Lê Hữu Tuấn	1981	Nam	GV	ThS	Công nghệ thông tin
44	Nguyễn Đăng Bắc	1982	Nam	PTK	ThS	Công nghệ thông tin
45	Lê Trung Tín	1979	Nam	GV	ThS	Công nghệ thông tin
46	Lê Thiện Phương	1984	Nam	GV	ThS	Công nghệ thông tin
47	Phạm Xuân Bình	1985	Nam	GV	ThS	Công nghệ thông tin
48	Nguyễn Khắc Huy	1983	Nam	GV	ThS	Công nghệ thông tin
49	Nguyễn Văn Tự	1980	Nam	GV	ThS	Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
50	Đỗ Sỹ Cường	1960	Nam	GV	ThS	Công nghệ thông tin
6	Khối ngành VI	-	-	-	-	-
7	Khối ngành VII					
51	Phạm Quốc Lộc	1976	Nam	HT	TS	Ngôn ngữ Anh
52	Nguyễn Thuận Tuyết Sương	1984	Nữ	GV	ThS	Ngôn ngữ Anh
53	Ngô Hà Giang	1993	Nam	GV	ThS	Ngôn ngữ Anh
54	Huỳnh Quốc Thắng	1982	Nam	GV	ThS	Ngôn ngữ Anh
55	Nguyễn Thị Hồng Phương	1988	Nữ	PTBM	ThS	Ngôn ngữ Anh
56	Đoàn Thị Thu Hà	1987	Nữ	GV	ThS	Ngôn ngữ Anh
57	Nguyễn Trần Hoài Phương	1987	Nữ	GV	ThS	Ngôn ngữ Anh
58	Nguyễn Lê Kim Khánh	1991	Nữ	GV	ThS	Ngôn ngữ Anh
59	Nguyễn Thị Thư	1978	Nữ	GV	ThS	Ngôn ngữ Anh
60	Nguyễn Thúc Trí	1968	Nam	GV	ThS	Ngôn ngữ Anh
61	Mai Thị Kiều Phương	1966	Nữ	GD	PGS.TS	Đông Phương học
62	Võ Sáng Xuân Lan	1962	Nữ	TK	TS	Đông Phương học
63	Bùi Trần Phương	1950	Nữ	GV	TS	Đông Phương học
64	Trương Anh Tuấn	1978	Nam	TBM	TS	Đông Phương học
65	Nguyễn Trần Bảo Trinh	1991	Nữ	GV	ThS	Đông Phương học
66	Hồ Thị Thùy Vân	1991	Nữ	GV	ThS	Đông Phương học
67	Kiều Xuân Mai	1971	Nam	GV	ThS	Đông Phương học
68	An Hci Won	1971	Nữ	GV	ThS	Đông Phương học

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
69	Park Jong Ryul	1949	Nam	GD	ThS	Đông Phương học
70	Võ Đình Văn	1989	Nam	PGD	ThS	Đông Phương học
71	Trần Hoài Nam	1982	Nam	GV	ThS	Du lịch
72	Đỗ Huệ Hương	1978	Nữ	GV	TS	Du lịch
73	Lê Anh Thư	1986	Nữ	GV	TS	Du lịch
74	Doàn Thị Thu Thương	1988	Nữ	GV	ThS	Du lịch
75	Nguyễn Quốc Tiến	1985	Nam	GV	ThS	Du lịch
76	Lê Minh Toàn	1989	Nam	GV	ThS	Du lịch
77	Phan Thị Hà Phương	1985	Nữ	GV	ThS	Du lịch
78	Doàn Thị Như Hoa	1980	Nữ	PTBM	ThS	Du lịch
79	Đinh Thị Nga	1990	Nữ	GV	ThS	Du lịch
80	Nguyễn Tấn Kiệt	1990	Nữ	GV	ThS	Du lịch
81	Đào Thị Huệ	1990	Nữ	GV	ThS	Du lịch

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi

II	Khối ngành	Tỷ lệ Sinh viên/Giảng viên cơ hữu quy đổi
1	Khối ngành I	-
2	Khối ngành II	-
3	Khối ngành III	21.4
4	Khối ngành IV	-
5	Khối ngành V	12.75
6	Khối ngành VI	-
7	Khối ngành VII	11.69

Khánh Hòa, ngày 05 tháng 01 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Toại
